

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày: 30 - 01 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vinh

Ông Trần Hữu Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Bảo Hằng – Thư ký TAND tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 12/01/2024 đối với bị cáo:

1. Lê Đức H, giới tính: Nữ; sinh ngày: 20/11/1980, tại xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; **nơi cư trú:** Khu D, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân T và bà Bùi Thị N; có 02 con, nhỏ nhất sinh năm 2009, lớn nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/7/2023 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Mai H1, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tổ G, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; (Vắng mặt)

2. Nguyễn Anh T1, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Tổ G, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; (có mặt)

3. Thái Thị Tươi T2, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; (Vắng mặt)

4. Trần Công V, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; (Vắng mặt)

5. Trần Thị Thúy A, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; (Vắng mặt)

* Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Hoài T3, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Tổ C, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; (Vắng mặt)

2. Nguyễn Thị Cẩm T4, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Xóm E, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

3. Hoàng Phi Á, Địa chỉ: Số A, đường N, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 9/2019 đến tháng 9/2022, Lê Đức H (sinh năm 1980, trú tại Khu D, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh) đã 3 lần tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép và 01 lần tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép nhằm mục đích thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 9/2019, chị Nguyễn Thị Hoa M, sinh năm 1987 và chồng là anh Nguyễn Anh T1, sinh năm 1978, cùng trú tại phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh đang lao động tự do tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc muốn nhập cảnh về Việt Nam, thông qua một người phụ nữ tên Phạm Thị M1 (trú tại xã V, huyện H, tỉnh Tuyên Quang) đang lao động tại Trung Quốc, chị M liên hệ với Lê Đức H đặt vấn đề đưa chị M, anh T1 nhập cảnh vào Việt Nam bằng đường tiểu ngạch. Lê Đức H trao đổi A H2 người Trung Quốc (không rõ nhân thân lai lịch) có thể đưa vợ chồng chị M về Việt Nam. Sau đó, Lê Đức H gọi điện thoại cho A H2 nhờ đón chị Nguyễn Thị Hoa M và anh Nguyễn Anh T1 từ tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc đến khu vực biên giới Trung Quốc – Việt Nam để nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, khi nào về đến địa phận Việt Nam thì H sẽ đón, A H2 đồng ý. Lê Đức H trao đổi lại chị Nguyễn Thị Hoa M về việc đã liên hệ với A H2 đón vợ chồng chị M, đồng thời cho chị M số điện thoại của A H2. Chị Nguyễn Thị Hoa M gọi điện cho A H2 nhờ đưa vợ chồng chị M nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, A H2 đồng ý, hai bên thỏa thuận chi phí là 2000 NDT/người (tương đương 7 triệu đồng). Sau đó, A H2 đi xe ô tô đến đón vợ chồng chị Nguyễn Thị Hoa M, khi lên xe chị M trực tiếp nộp số tiền 4000 NDT (tương đương 14 triệu đồng) cho A H2. A H2 chở vợ chồng chị M đến khu vực biên giới Trung Quốc - Việt Nam, tại đây người của A H2 dẫn đi bộ theo đường tiểu ngạch nhập cảnh trái phép vào Việt Nam tại khu vực biên giới thuộc tỉnh Lạng Sơn. Khi về đến địa phận Việt Nam, Lê Đức H đón chị Nguyễn Thị Hoa

M và anh Nguyễn Anh T1 về phòng trọ của H tại tỉnh Lạng Sơn nghỉ ngơi, sau đó vợ chồng chị M đón xe ô tô về Hà Tĩnh. Sau khi tổ chức cho chị Nguyễn Thị Hoa M và anh Nguyễn Anh T1 nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, Lê Đức H được A H2 chuyển khoản qua Wechat 20 NDT (tương đương 70.000 đồng) tiền công. (Bút lục số 118-180; 181-212)

- Lần thứ hai: Vào khoảng cuối tháng 6/2022, chị Thái Thị Tươi T2, sinh năm 1988 và chồng là anh Trần Công V, sinh năm 1983, cùng trú tại xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đang lao động tự do tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc muốn về Việt Nam. Thông qua một người phụ nữ tên M1 (người ở tỉnh Tuyên Quang, đang lao động tại Trung Quốc), anh Trần Công V và chị Thái Thị Tươi T2 liên hệ với Lê Đức H qua tài khoản Zalo và W nhờ H đưa chị T2, anh V từ Trung Quốc nhập cảnh về Việt Nam bằng đường tiểu ngạch, H đồng ý. Lê Đức H liên hệ với một người có tài khoản Wechat tên là A L (không rõ nhân thân lai lịch) nhờ đưa chị T2, anh V nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, A L báo chi phí 5.500NDT/người (tương đương 19.250.000 đồng) và dự kiến ngày 29/6/2022 sẽ bắt đầu về, H đồng ý. Sau đó, Lê Đức H trao đổi, thỏa thuận, thống nhất với chị Thái Thị Tươi T2 và anh Trần Công V chi phí 6000 NDT/người (tương đương 21.000.000VNĐ) và yêu cầu gửi số điện thoại, vị trí, ảnh để H chuyển lại cho A L. Vào tối ngày 29/6/2022, người của A L đến đón chị Thái Thị Tươi T2 và anh Trần Công V, lúc này A L liên hệ với Lê Đức H thống nhất khi nào nhà xe yêu cầu nộp tiền thì trả cho họ số tiền 3.200NDT, H thông báo lại với chị T2 và anh V. Khi mọi người đang tập kết tại một nhà nghỉ, A L thông báo với Lê Đức H yêu cầu chị T2, anh V và những người về chuẩn bị tiền, để có người đến thu, tuy nhiên do không đủ tiền Trung Quốc nên chị Thái Thị Tươi T2 xin Lê Đức H nộp trước 5.800NDT, số còn lại sẽ chuyển khoản tiền Việt Nam cho H, H đồng ý và gửi tài khoản số 19038573456015 Ngân hàng T7 chủ tài khoản là Phạm Thanh T5 (số tài khoản này do H sử dụng) cho chị T2. Chị Thái Thị Tươi T2 liên hệ nhờ chị Nguyễn Thị Hoài T3 (sinh năm 1977 trú tại tổ C, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh, chị dâu của anh Trần Công V) chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản số 19038573456015 cho Lê Đức H. Sau khi nhận được tiền, Lê Đức H đã chuyển cho A L 2.000 NDT (tương đương 7 triệu đồng) và chuyển trả tiền nhà nghỉ cho chị T2, anh V số tiền 1.600.000 đồng. Sau đó, chị Thái Thị Tươi T2, anh Trần Công V được A L chở đến tập kết ven rừng cùng với khoảng 20 người khác tạo thành một nhóm, trên đường đi Lê Đức H dặn chị T2, anh V khi xuống xe phải trốn kỹ vào rừng, không cho người dân Trung Quốc nhìn thấy. Sau đó, Lê Đức H hướng dẫn chị T2, anh V đi theo định vị do người của H gửi, chị T2 và anh V cùng những người khác đi khoảng 3 ngày nhưng không tìm được đường về Việt Nam và bị lực lượng chức năng Trung Quốc phát hiện, bắt giữ và sau đó trao trả về Việt Nam. **Quá trình tổ chức cho chị Thái Thị Tươi T2**

và anh Trần Công V nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, Lê Đức H hưởng lợi bất chính số tiền 1.400.000 đồng. (Bút lục số 09, 10; 118-180; 213-241; 253-258)

- Lần thứ ba: Vào khoảng tháng 9/2022, chị Nguyễn Thị Hoa M và chồng là anh Nguyễn Anh T1 đang lao động tự do tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc muốn nhập cảnh vào Việt Nam nên gọi điện thoại cho Lê Đức H nhờ H liên hệ xe đưa vợ chồng chị M từ Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, H đồng ý. Sau đó, Lê Đức H liên hệ với một người đàn ông Trung Quốc có tài khoản Wechat tên là Kiên A1 (không rõ nhân thân, lai lịch), H và Kiên A1 thống nhất đưa vợ chồng chị M nhập cảnh trái phép vào Việt Nam tại khu vực biên giới tỉnh Cao Bằng với chi phí là 5000NDT/người (tương đương 17.500.000 đồng). Lê Đức H báo lại với vợ chồng chị M, đồng thời gửi 01 mã chuyển tiền qua W yêu cầu chị M chuyển 10.000 NDT cho H, chị M đồng ý. Sau khi nhận được tiền, Lê Đức H bảo chị Nguyễn Thị Hoa M gửi số điện thoại, vị trí và ảnh nhận dạng của vợ chồng chị M để H gửi lại cho Kiên A1 liên hệ đón. Ngày hôm sau, Kiên A1 bố trí xe ô tô đến đón vợ chồng chị M chở đến khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc rồi dẫn vợ chồng chị M đi bộ vượt rừng theo đường tiểu ngạch để nhập cảnh vào Việt Nam. Nhưng khi đang ở trên rừng do đói và mệt không thể đi tiếp được nên chị Nguyễn Thị Hoa M gọi điện cho Lê Đức H nhờ hỗ trợ một ít tiền xe để quay lại Trung Quốc. Lê Đức H liên hệ với Kiên A1 nói vợ chồng chị M không muốn về Việt Nam, xin hỗ trợ một ít tiền xe, Kiên A1 đồng ý hỗ trợ 2000 NDT (tương đương 7 triệu đồng) và gửi số tiền này qua ứng dụng Wechat cho H. Lê Đức H đã chuyển số tiền 7.000.000 đồng vào tài khoản số 3710215007630 Ngân hàng nông nghiệp mang tên Nguyễn Thị Cẩm T4 (sinh năm 1979 trú tại xóm E, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh là em gái anh Nguyễn Anh T1) theo yêu cầu của chị M. Sau đó, vợ chồng chị M bị lực lượng chức năng Trung Quốc bắt, giữ rồi được trao trả về Việt Nam tại cửa khẩu quốc tế C. Trong lần tổ chức cho chị Nguyễn Thị Hoa M và anh Nguyễn Anh T1 nhập cảnh trái phép về Việt Nam này, Lê Đức H không được hưởng lợi gì.

2. Hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép:

Đầu năm 2020, chị Nguyễn Thị Hoa M sinh năm 1987 và chồng là Nguyễn Anh T1, sinh năm 1978, cùng trú tại phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh có nhu cầu sang tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc để tìm kiếm việc làm nên liên hệ với Lê Đức H qua ứng dụng Zalo nhờ H đưa đi, do đang dịch bệnh Covid 19 nên H nói lúc nào có xe đưa người sang thì sẽ báo lại. Sau đó, Lê Đức H liên hệ và thống nhất với một người đàn ông Trung Quốc sử dụng tài khoản Wechat là Kiên A1 (không rõ nhân thân, lai lịch) đưa vợ chồng chị Nguyễn Thị Hoa M sang tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch với giá 5000NDT/người (tương đương 17.500.000 đồng), mỗi khách H được hưởng 100

NDT (tương đương 350.000 đồng). Tháng 04/2020, Lê Đức H bảo vợ chồng chị Nguyễn Thị Hoa M đón xe lên bến xe tỉnh Cao Bằng, H đi xe ô tô Inova ra đón và đưa vợ chồng chị M về phòng trọ của H ở thành phố C. Tại đây, vợ chồng chị Nguyễn Thị Hoa M đã nộp chi phí cho Lê Đức H 10.000 NDT (tương đương 35.000.000 đồng). Khoảng 17 giờ cùng ngày, Kiên A1 liên lạc với Lê Đức H bảo chở vợ chồng chị Nguyễn Thị Hoa M ra địa điểm tập kết cách thành phố C khoảng 2-3km. Trước khi vợ chồng chị M lên xe thì Lê Đức H đã chuyển 9.800 NDT cho Kiên A1, còn lại 200 NDT (tương đương 700.000 đồng) là chi phí H được hưởng lợi. Sau đó, vợ chồng chị Nguyễn Thị Hoa M được người của Kiên A1 đón, dẫn đi bộ theo đường tiểu ngạch xuất cảnh sang Trung Quốc rồi được xe ô tô chở đến tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Sau khi sang đến nơi thì chị Nguyễn Thị Hoa M nhắn tin báo cho Lê Đức H biết đã sang đến tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Việc tổ chức cho chị Nguyễn Thị Hoa M và anh Nguyễn Anh T1 xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc vào tháng 4/2020, Lê Đức H thu lợi bất chính số tiền 700.000 đồng.

*** Vật chứng thu giữ:**

Quá trình điều tra thu giữ của Lê Đức H 01 chiếc điện thoại Oppo F9 màu tím, đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại Oppo Reno4 màu đen, đã qua sử dụng

*** Xử lý vật chứng:** Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại Oppo F9 màu tím của Lê Đức H không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho H. Vật chứng còn lại được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 108/CT-VKS-P1 ngày 29/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Lê Đức H về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm như nội dung bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Đức H phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” và “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; **khoản 3 Điều 57** Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Lê Đức H từ 05 đến 06 năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Lê Đức H từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Lê Đức H chịu hình phạt từ 06 năm đến 07 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án;

Về hình phạt tiền bổ sung từ 20.000.000 đến 30.000.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và tuyên quyền kháng cáo.

Tại phiên tòa bị cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, sau khi có ý kiến của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận. Xét thấy, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292, 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về chứng cứ xác định tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án cùng các vật chứng bị thu giữ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Từ khoảng tháng 9/2019 đến tháng 09/2022, Lê Đức H đã 03 lần tổ chức cho 06 lượt người nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam bằng đường tiểu ngạch tại khu vực biên giới tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Cao Bằng, thu lợi bất chính số tiền 1.470.000 đồng và 01 lần tổ chức cho 02 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc bằng đường tiểu ngạch tại khu vực biên giới tỉnh Cao Bằng, thu lợi bất chính số tiền 700.000 đồng.

Xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận

thức được việc đưa người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và đưa người Việt Nam xuất cảnh trái phép ra nước ngoài là vi phạm pháp luật, song với động cơ, mục đích vụ lợi, bị cáo đã bất chấp pháp luật và 03 lần tổ chức cho 06 người khác nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và 01 lần tổ chức cho 02 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú tại Việt Nam khi chưa được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng xấu đến quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Vì vậy, hành vi 01 lần tổ chức cho 02 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự; hành vi 03 lần tổ chức cho 06 lượt người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”, bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng hình phạt theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo với tội danh, điều luật nói trên là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.170.000 đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, một mình nuôi hai con ăn học nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

[4] Đối với những người liên quan trong vụ án:

- Đối với việc chị Nguyễn Thị Hoa M và anh Nguyễn Anh T1 khai được Lê Đức H tổ chức cho chị M và anh T1 xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc vào cuối năm 2018; chị Nguyễn Thị Thúy A2, chị Thái Thị Tươi T2 và anh Trần Công V khai được Lê Thị H3 tổ chức xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc vào tháng 2/2019: Quá trình điều tra Lê Đức H không thừa nhận, cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng không có kết quả. Lời khai của chị Nguyễn Thị Hoa M, chị Nguyễn Thị Thúy A2 và chị Thái Thị Tươi T2, anh Trần Công V còn mâu thuẫn về thời gian, quá trình xuất cảnh sang Trung Quốc. Ngoài lời khai của chị

Nguyễn Thị Hoa M, anh Nguyễn Anh T1, chị Nguyễn Thị Thúy A2, chị Thái Thị Tươi T2 và Trần Công V thì không có tài liệu nào xác định việc Lê Đức H tổ chức cho những người trên xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Vì vậy, cơ quan điều tra không đủ căn cứ để kết luận và xử lý đối với hành vi của Lê Đức H là có căn cứ.

- Đối với người đàn ông Trung Quốc tên A H2, người phụ nữ có tài khoản Wechat tên A L, người đàn ông Trung Quốc có tài khoản Wechat tên là Kiên A1 là những người được Lê Đức H liên hệ để tổ chức cho các công dân xuất cảnh, nhập cảnh trái phép nhưng thông tin Lê Đức H cung cấp không đầy đủ về nhân thân, lai lịch của những người này nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ điều tra làm rõ.

- Đối với Phạm Thị M1 là người giới thiệu vợ chồng chị M cho Lê Đức H để H tổ chức cho vợ chồng chị M nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, do thông tin chị Nguyễn Thị Hoa M cung cấp không đầy đủ nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh làm rõ.

- Đối với Phạm Thanh T5, sinh năm 2001, trú tại xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, theo lời khai của Lê Đức H, T5 là người đã cho H mượn tài khoản số 19038573456015 ngân hàng T7 để sử dụng, T5 không biết được việc H mượn tài khoản để sử dụng vào mục đích phạm pháp, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, hiện nay Phạm Thanh T5 đi xuất khẩu lao động tại Malaysia nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý đối với Phạm Thanh T5.

- Đối với chị Nguyễn Thị Hoài T3 và chị Nguyễn Thị Cẩm T4 là những người được Nguyễn Thị Tươi T6 và Nguyễn Thị Hoa M nhờ chuyển tiền và nhận tiền cho T6 và M. Tuy nhiên, chị T3 và chị T4 không biết việc chuyển tiền và nhận tiền liên quan đến hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép nên cơ quan điều tra không đề cập hình thức xử lý đối với T3 và T4 là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại Oppo F9 màu tím của bị cáo Lê Đức H không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho bị cáo là có căn cứ.

Đối với 01 điện thoại di động Oppo Reno4 màu đen, kiểu máy CPH2113, bên trong lắp sim số 033030762 và sim số 0325915022, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lê Đức H là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, số tiền 2.170.000 đồng là tiền do thực hiện hành vi phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Đức H phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” và “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức H 01 năm tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức H 05 năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Lê Đức H chịu hình phạt 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Oppo Reno4 màu đen, kiểu máy CPH2113, bên trong lắp sim số 033030762 và sim số 0325915022, đã qua sử dụng và số tiền 2.170.000 đồng bị cáo Lê Đức H tự nguyện giao nộp (theo biên lai thu tiền số 0000394 ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh)

(Tình trạng, đặc điểm các vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 15/2024 lập hồi 16 giờ 15 phút ngày 30/11/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê Đức H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng LLTP Sở Tư pháp;
- THAHS TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Các bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Thu Hiền